

BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4578/BTP-KHTC
V/v hướng dẫn một số nội dung
về công tác thống kê

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2022

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Sau khi Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/03/2019 quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp (Thông tư số 03/2019/TT-BTP), công tác thống kê trong toàn Ngành đã có nhiều chuyển biến tích cực. Mặc dù vậy, hoạt động thống kê tại một số địa phương còn có mặt hạn chế, nhất là hoạt động thu thập, tổng hợp, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác của số liệu thống kê. Bộ Tư pháp đã tổng hợp một số sai sót thường gặp của địa phương khi thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo Thông tư số 03/2019/TT-BTP (tại phụ lục kèm theo).

Nhằm bảo đảm chế độ báo cáo thống kê trong Ngành được thực hiện nghiêm túc, chất lượng thông tin thống kê được nâng cao, phục vụ công tác quản lý chỉ đạo điều hành, Bộ Tư pháp đề nghị các Sở Tư pháp nghiên cứu, quán triệt các cơ quan, đơn vị thuộc diện báo cáo thống kê theo Thông tư số 03/2019/TT-BTP ở địa phương, tránh lặp lại những sai sót nói trên.

Quá trình thực hiện chế độ báo cáo thống kê, nếu có vướng mắc, các Sở Tư pháp có thể liên hệ về Bộ Tư pháp (qua Cục Kế hoạch - Tài chính, số điện thoại 024 6273 9554 hoặc 1900.8888.24 - nhánh số 3) để được hỗ trợ, giải đáp.

Bộ thông báo đơn vị tổ chức triển khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để báo cáo);
- PCT Phạm Văn Lâm (để biết);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp (để phối hợp thực hiện);
- Công thông tin điện tử của Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, Cục KHTC.

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH



Phan Anh Tuấn

BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Phụ lục****CÁC SAI SÓT THƯỜNG GẶP TRONG BÁO CÁO THỐNG KÊ***(Kèm theo Công văn số 4578/BTP-KHTC ngày 17/11/2022 của Bộ Tư pháp)***I. Các sai sót chung****1.1. Không khớp các phân tổ trong cùng một chỉ tiêu**

Ví dụ: Trong lĩnh vực nuôi con nuôi, tại biểu số 22c/BTP/CN/TN, một số Sở Tư pháp thống kê số liệu trẻ em chia theo nơi cư trú trước khi được nhận làm con nuôi (cột 8,9,10) thường không khớp với số trẻ em được nhận làm con nuôi chia theo độ tuổi (cột 2,3,4,5,6,7), dẫn tới các số chi tiết chia theo 2 phân tổ nêu trên thường bị lệch so với tổng số tại cột 1.

Đề nghị các Sở Tư pháp rà soát kỹ, đảm bảo tính thống nhất trong báo cáo.

1.2. Số liệu tăng, giảm đột biến so với cùng kỳ năm trước (tăng, giảm từ 20% trở lên); số cao hoặc thấp hơn nhiều so với mặt bằng chung trên địa bàn... nhưng không thuyết minh rõ.

Một số Sở Tư pháp báo cáo số liệu về “Số người có phiếu LLTP số 2” (Biểu 19/BTP/LLTP) và “Số công dân Việt Nam có LLTP” (Biểu 21/BTP/LLTP) tăng hoặc giảm đột biến so với cùng kỳ năm trước (tăng, giảm từ 20% trở lên) nhưng không có thuyết minh lý do.

Đề nghị các Sở Tư pháp chú ý so sánh số liệu với cùng kỳ năm trước và bổ sung phần thuyết minh khi số liệu tăng hoặc giảm đột biến (tăng, giảm từ 20% trở lên). Đồng thời chú ý kiểm tra, rà soát kỹ những số liệu cao đột biến so với mức trung bình của địa phương.

II. Các sai sót trong một số lĩnh vực cụ thể**2.1. Lĩnh vực xây dựng văn bản (biểu 01c/BTP/VĐC/XDPL)**

Trong kỳ báo cáo thống kê 6 tháng đầu năm 2022, một số Sở Tư pháp báo cáo số lượng VBQPPL được ban hành ở cấp xã lên đến hàng trăm văn bản nhưng không có thuyết minh, giải thích. Số liệu này cần được kiểm tra lại. Trường hợp văn bản QPPL do cấp xã ban hành để quy định những vấn đề được luật, nghị quyết của Quốc hội giao (theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản QPPL), đề nghị Sở Tư pháp nắm rõ và giải thích về số liệu này trong phần ghi chú tại biểu báo cáo.

2.2. Lĩnh vực pháp chế

Khi báo cáo số liệu về tổ chức pháp chế theo Biểu 03a/BTP/VĐC/PC và 03b/BTP/VĐC/PC, một số Sở Tư pháp thay vì báo cáo rõ số lượng lại tích dấu “x”, gây khó khăn cho quá trình tổng hợp.

Để thuận lợi cho công tác tổng hợp số liệu báo cáo thống kê, đề nghị các Sở Tư pháp ghi số liệu cụ thể vào biểu mẫu.

2.3. Lĩnh vực kiểm tra văn bản (biểu 04a,b/BTP/KTrVB/KTTTQ)

Một số cơ quan, đơn vị có sự nhầm lẫn giữa hoạt động tự kiểm tra văn bản với hoạt động kiểm tra văn bản theo thẩm quyền, dẫn đến thống kê nhầm số liệu phản ánh 02 hoạt động này.

Để thống kê đúng, cần phân biệt hoạt động tự kiểm tra văn bản với kiểm tra văn bản theo thẩm quyền (được hướng dẫn tại trang 52 Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ công tác thống kê đối với Phòng Tư pháp và UBND cấp xã).

2.4. Lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật (biểu số 09d/BTP/PBGDPL)

Đây là lĩnh vực mà các cơ quan, đơn vị vướng nhiều sai sót thống kê. Một số sai sót thường xảy ra như:

- Thống kê cả những cuộc PBGDPL và cuộc thi tìm hiểu pháp luật không do cơ quan, đơn vị mình chủ trì, dẫn đến báo cáo trùng số liệu thống kê.

- Nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương hiểu chưa đúng về cuộc PBGDPL trực tiếp dẫn đến thống kê không chính xác. Cần hiểu đúng “Cuộc PBGDPL trực tiếp là hoạt động được tổ chức trực tiếp, có nhiều người tham gia như hội nghị, lớp tập huấn, bồi dưỡng, cuộc họp có nội dung PBGDPL”.

- Thống kê số tài liệu đăng tải trên Internet cao hơn tổng số tài liệu PBGDPL được phát hành. Một số cơ quan còn thống kê cả các bài đưa tin về hội nghị tập huấn, hội nghị về công tác PBGDPL. Trong khi đó, phần giải thích biểu mẫu về PBGDPL đã nêu rõ: tài liệu đăng tải trên Internet chỉ bao gồm sách, tờ gấp, video, chương trình, tọa đàm, phóng sự truyền hình, các tài liệu có chứa nội dung phổ biến các lĩnh vực pháp luật cụ thể được in, phát hành, đăng tải trên internet.

- Tính trung bình số lượt người tham dự PBGDPL trực tiếp quá cao (lên đến hàng nghìn người) hoặc quá thấp (chỉ có một vài người).

2.5. Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở (biểu số 11d/BTP/PBGDPL/HGCS-TCPL)

- Thống kê số kinh phí chi thù lao cho tổ hòa giải/hòa giải viên trung bình lớn hơn 200.000 đồng/vụ việc (vượt quá quy định tại khoản 19 điểm 4 Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP).

- Thống kê tổng số hòa giải viên không khớp với số hòa giải viên chia theo giới tính và số hòa giải viên chia theo trình độ chuyên môn.

- Tổng số vụ việc tiếp nhận hòa giải không khớp với tổng của 3 số: số vụ việc hòa giải thành, số vụ việc hòa không giải thành và số vụ việc chưa giải quyết xong.

2.6. Lĩnh vực hộ tịch (biểu số 13c/BTP/HTQTCT/HT)

- Thống kê tổng số đăng ký khai sinh quá hạn tại cột 4, cột 5 mục B biểu 13c/BTP/HTQTCT/HT thấp hơn tổng số của 2 phân tổ “Số trẻ em sinh ra trong năm BC” và “Trẻ em sinh ra trước năm BC dưới 5 tuổi” tại các cột 6,7,8,9 mục B biểu 13c/BTP/HTQTCT/HT; hoặc sai sót tương tự đối với các phân tổ chia theo giới tính “nam” và “nữ”, phân tổ thành phần lại lớn hơn tổng số.

- Số liệu khai sinh, khai tử, kết hôn tăng, giảm đột biến không có thuyết minh rõ nguyên nhân.

2.7. Lĩnh vực LLTP (biểu 19/BTP/LLTP, 20a/BTP/LLTP, 21/BTP/LLTP)

- Tại biểu 19/BTP/LLTP, thống kê tổng số phiếu lý lịch tư pháp số 2 tại cột 10 không khớp với tổng số 02 cột (cột 16 và cột 17).

- Nhằm lần khái niệm “số phiếu LLTP số 1”, “số phiếu LLTP số 2” với “số người có LLTP” nên đã thống kê tổng số phiếu LLTP số 1 và số 2 bằng với số người có LLTP. Trong khi đây là các khái niệm hoàn toàn khác nhau, nên kết quả thống kê không thể bằng nhau, cụ thể:

+ Phiếu lý lịch tư pháp là phiếu chứng minh cá nhân có hay không có án tích; bị cấm hay không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản.

Lý lịch tư pháp: là lý lịch về án tích của người bị kết án bằng bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, tình trạng thi hành án và về việc cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản (khoản 1 Điều 2 Luật Lý lịch tư pháp 2009).

Cần chú ý kiểm tra, nếu gặp trường hợp 2 kết quả này giống nhau thì phải ghi chú rõ là đã rà soát và khẳng định số liệu thống kê là đúng.

Tại cột (7) Biểu mẫu 20a/BTP/LLTP, số liệu thống kê do Sở Tư pháp báo cáo thường không khớp với số liệu thông tin LLTP thực tế Trung tâm LLTP quốc gia cung cấp về Sở Tư pháp. Việc cung cấp thông tin LLTP được Trung tâm LLTP quốc gia thực hiện thông qua việc scan và gửi qua email cho Sở Tư pháp. Mặt khác, số liệu thông tin do Trung tâm cung cấp được thể hiện cụ thể trên Phần mềm quản lý LLTP dùng chung và có thể tự động xuất excel Biểu mẫu 20a/BTP/LLTP qua Phần mềm nêu trên. Vì vậy, đề nghị các Sở Tư pháp lưu ý khi thống kê cột (7) Biểu mẫu 20a/BTP/LLTP.

2.8. Lĩnh vực TGPL (biểu số 24/BTP/TGPL, biểu số 25/BTP/TGPL và biểu số 26/BTP/TGPL)

- Thống kê tổng số lượt người đã được TGPL tại cột 1 biểu số 24/BTP/TGPL không khớp với số vụ việc TGPL kết thúc trong kỳ báo cáo tại cột 4 biểu số 25/BTP/TGPL". Vì vậy, đề nghị các đơn vị lưu ý số liệu tại cột 1 biểu số 24/BTP/TGPL phải khớp với số liệu tại cột 4 biểu số 25/BTP/TGPL theo như hướng dẫn tại phần giải thích biểu số 24/BTP/TGPL “số lượt người đã được TGPL (tương ứng với số vụ việc TGPL kết thúc trong kỳ báo cáo)".

- Thống kê trùng lặp (một người thuộc nhiều đối tượng TGPL khác nhau và được thống kê theo nhiều đối tượng, dẫn đến "tổng số lượt người được TGPL chia theo giới tính" chênh lệch so với "tổng số lượt người được TGPL chia theo

đối tượng được TGPL”. Cần lưu ý, một người thuộc nhiều đối tượng TGPL khác nhau thì chỉ thống kê theo 01 đối tượng (như hướng dẫn chi tiết tại phần giải thích biểu mẫu số 24/BTP/TGPL).

- Về số tổ chức và số người thực hiện TGPL tại biểu số 26/BTP/TGPL, đề nghị rà soát, bảo đảm:

+ Thống kê đầy đủ số liệu về tổng số biên chế được giao, tổng số biên chế hiện có tại cột 1, cột 2 mục I “Số lượng người làm việc của Trung tâm TGPL”.

+ Thống kê đầy đủ số liệu về số cá nhân làm việc tại tổ chức (bao gồm tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL và tổ chức đăng ký tham gia TGPL) ở các cột 4,5,6,10,11,12 mục II “số tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện TGPL”.

Trong mục II, số liệu tại các cột 4,5,6,10,11,12 hoàn toàn khác số lượng cá nhân ký hợp đồng thực hiện TGPL với Trung tâm TGPL được thống kê ở cột 13,14,15.

2.9. Lĩnh vực luật sư (biểu 08b/BTP/BTTP/LSTN)

- Thống kê thiếu số liệu ghi chú về số tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp, số TCHNLS có báo cáo, số luật sư là thành viên của Đoàn Luật sư địa phương (theo quản lý của Sở Tư pháp).

- Chưa rà soát kỹ số liệu báo cáo của các tổ chức hành nghề luật sư, dẫn đến số liệu chưa hợp lý mà không có thuyết minh. Ví dụ: TCHNLS có báo cáo số việc đã thực hiện trong kỳ, nhưng thiếu số liệu về doanh thu, nộp thuế... Đối với những trường hợp này, Sở cần bổ sung lý do thiếu số liệu.

2.10. Lĩnh vực công chứng (biểu số 12b/BTP/BTTP/CC)

- Ghi thiếu số liệu ghi chú về số tổ chức hành nghề công chứng đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp, số tổ chức hành nghề công chứng có báo cáo, số công chứng viên đăng ký hành nghề (theo quản lý của Sở Tư pháp).

- Chưa thu thập được đầy đủ báo cáo thống kê của các Tổ chức hành nghề công chứng đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp, làm ảnh hưởng đến tính đầy đủ của số liệu thống kê trong kỳ báo cáo.

- Thống kê thiếu số liệu về số phí công chứng hoặc thiếu phần thuyết minh lý do thiếu số liệu.

2.11. Lĩnh vực đấu giá tài sản

- Thống kê cả số liệu của chi nhánh thuộc doanh nghiệp đấu giá tài sản không đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh. Cách thống kê này dẫn đến trùng số liệu với Sở Tư pháp nơi doanh nghiệp đặt trụ sở. Nội dung này đã được hướng dẫn rõ trong cuốn Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ công tác thống kê đối với Sở Tư pháp của Bộ Tư pháp, cụ thể là “Sở Tư pháp nơi chi nhánh đăng ký hoạt động không thống kê số liệu của chi nhánh vào biểu số 06b/BTP/BTTP/DGTS”.

- Ghi thiếu số liệu ghi chú về số tổ chức đấu giá đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp, số tổ chức đấu giá có báo cáo./.